

## **ĐẨY MẠNH TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC - MỘT TRONG NHỮNG ĐỘT PHÁ CỦA TÁI CẤU TRÚC NỀN KINH TẾ VIỆT NAM**

**NGUYỄN VĂN TRINH (\*) - TRẦN ĐỨC TRƯỜNG (\*\*)**

### **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Đảng và Nhà nước đã khẳng định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy nhiên, phải hiểu rằng, chủ đạo không có nghĩa là độc quyền. Chủ đạo được hiểu theo nghĩa là dẫn dắt, điều tiết và giúp các thành phần kinh tế khác cùng phát triển trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Kinh tế nhà nước bao gồm nhiều bộ phận như hệ thống tài chính nhà nước, hệ thống tiền tệ, các tài sản quốc gia, hệ thống kho, quỹ dự trữ quốc gia, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các doanh nghiệp nhà nước. Như vậy, doanh nghiệp nhà nước chỉ là một bộ phận của thành phần kinh tế nhà nước, chứ không phải là toàn bộ thành phần kinh tế nhà nước. Do đó, để điều chỉnh, dẫn dắt nền kinh tế theo mục tiêu đã định, Nhà nước có thể dùng các bộ phận của thành phần kinh tế nhà nước để làm công cụ tác động, trong đó có bộ phận doanh nghiệp nhà nước, chứ không chỉ có sử dụng công cụ doanh nghiệp nhà nước. Với tinh thần đó, trong thời gian qua doanh nghiệp nhà nước nói chung, tập đoàn, tổng công ty nhà nước nói riêng đã được giao nhiều nhiệm vụ khác nhau, vừa thực hiện nhiệm vụ kinh tế vừa thực hiện nhiệm vụ chính trị, như vừa hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, vừa là công cụ kinh tế để Nhà nước thực hiện nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô. Vậy các doanh nghiệp nhà nước đã đạt được kết quả như thế nào trong việc thực hiện các nhiệm vụ có phần mâu thuẫn, khó thực hiện đó? Trong thời gian tới

cần phải làm thế nào để doanh nghiệp nhà nước có thể thực hiện được những nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó?

### **NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ**

Hiện nay, dư luận xã hội thường đánh giá thấp doanh nghiệp nhà nước, tuy nhiên, thực tế doanh nghiệp nhà nước đã có những đóng góp to lớn cho tăng trưởng và phát triển kinh tế của Việt Nam trong thời gian qua. Cụ thể như sau:

*-Về đóng góp cho tăng trưởng GDP:* Doanh nghiệp nhà nước nói chung, tập đoàn kinh tế nhà nước nói riêng đã tham gia đóng góp khá lớn cho tăng trưởng GDP nước ta trong thời gian qua. Nếu so với các thành phần kinh tế khác như kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thì tỷ trọng đóng góp vào GDP của doanh nghiệp nhà nước là hơn hẳn, mặc dù, mức độ đóng góp của nó vào GDP có giảm dần qua các năm gần đây. [xem bảng 1]

*-Về đóng góp vào thu ngân sách nhà nước:* Trong những năm qua, xuất phát từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, trong đó, chủ yếu các tập đoàn kinh tế nhà nước tương đối khá nên thu từ chúng là nguồn thu tài chính lớn để đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước, là nguồn lực tài chính chủ yếu và cực kỳ quan trọng để Nhà nước thực hiện nhiệm vụ chi cho đầu tư phát triển đất nước và thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh tế vĩ mô, điều tiết nền kinh tế theo các mục tiêu đã định của Nhà nước. [xem bảng 2]

*- Về vốn đầu tư phát triển:* Các doanh nghiệp nhà nước, trong đó có các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đã tích cực

(\*) PGS.TS., Trường Đại học Kinh tế - Luật, Thành phố Hồ Chí Minh.

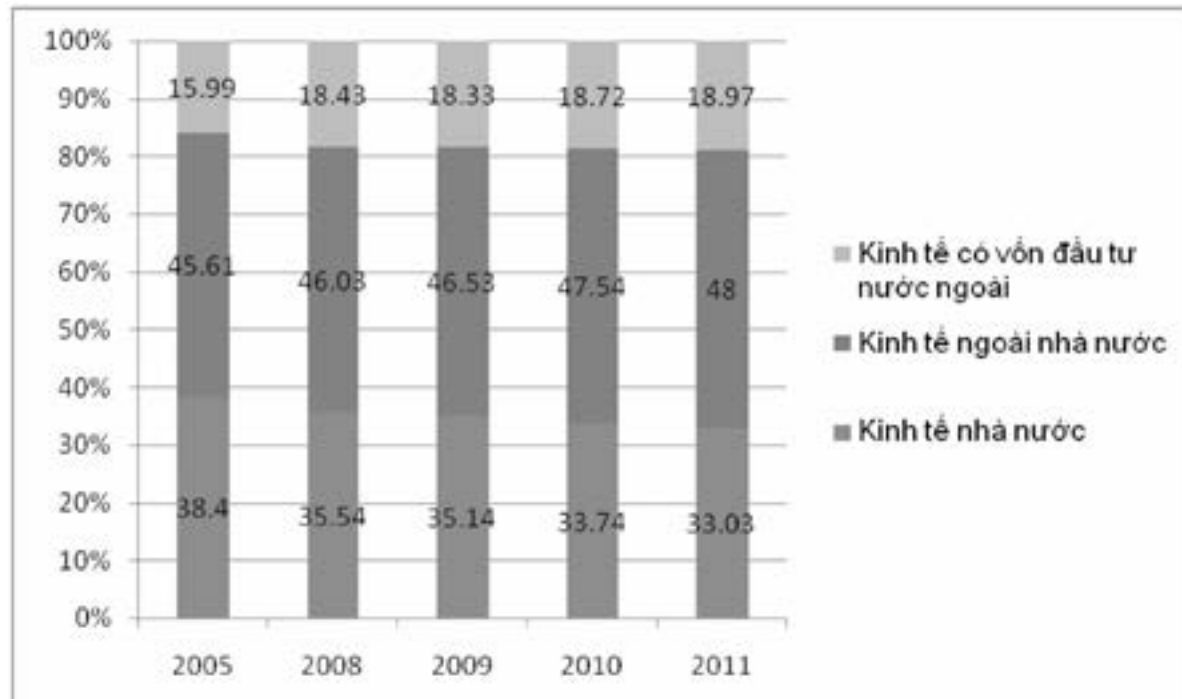
(\*\*) ThS., Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam.

**Bảng 1: Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế giai đoạn 2005 – 2011**  
(Đơn vị tính: %)

	2005	2008	2009	2010	2011
<b>Tổng số</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
<b>Kinh tế nhà nước</b>	<b>38,4</b>	<b>35,54</b>	<b>35,14</b>	<b>33,74</b>	<b>33,03</b>
<b>Kinh tế ngoài nhà nước</b>	<b>45,61</b>	<b>46,03</b>	<b>46,53</b>	<b>47,54</b>	<b>48,00</b>
-Kinh tế tập thể	6,81	5,66	5,45	5,35	5,22
-Kinh tế tư nhân	8,89	10,50	11,02	11,33	11,57
-Kinh tế cá thể	29,91	29,87	30,06	30,86	31,21
<b>Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</b>	<b>15,99</b>	<b>18,43</b>	<b>18,33</b>	<b>18,72</b>	<b>18,97</b>

Nguồn: Niên giám thống kê 2011, Tổng Cục Thống kê Việt Nam, tr.138.

**Biểu 1: Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo thành phần kinh tế 2005 – 2011**



đầu tư vốn cho sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, góp phần làm gia tăng tổng đầu tư xã hội, thúc đẩy GDP tăng trưởng trong thời gian qua. Nhà nước thực hiện đầu tư công qua ngân sách nhà nước. Ngoài ra, Nhà nước còn thông qua các doanh nghiệp nhà nước như các tập đoàn,

tổng công ty nhà nước để thực hiện chính sách đầu tư của Nhà nước, từ đó kích thích kinh tế tăng trưởng. Qua số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, nguồn vốn đầu tư từ phía doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng khá lớn, mặc dù tỷ trọng đầu tư của khu vực này có giảm trong những năm gần

**Bảng 2: Kết quả sản xuất, kinh doanh của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2006 – 2012**

		Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận (tỷ đồng)	Nộp ngân sách (tỷ đồng)	Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (%)
<b>Năm 2006</b>		498.551	67.321	143.142	21,19
<b>Năm 2007</b>	<b>Tổng số</b>	642.004	71.471	133.108	17,38
	<b>Tỷ lệ tăng (%)</b>	28,77	6,19	-7,01	-3,81
<b>Năm 2008</b>	<b>Tổng số</b>	842.758	88.478	223.260	18,30
	<b>Tỷ lệ tăng (%)</b>	31,27	23,76	67,73	0,92
<b>Năm 2009</b>	<b>Tổng số</b>	1.098.533	97.537	189.991	17,57
	<b>Tỷ lệ tăng (%)</b>	30,35	10,24	-14,90	-0,73
<b>Năm 2010</b>	<b>Tổng số</b>	1.488.273	162.910	231.526	24,94
	<b>Tỷ lệ tăng (%)</b>	35,48	67,02	21,86	7,37
<b>Năm 2011</b>	<b>Tổng số</b>	1.588.580	133.885	329.280	18,39
	<b>Tỷ lệ tăng (%)</b>	06,73	-17,81	42,22	-6,55
<b>Năm 2012</b>	<b>Tổng số</b>	1.621.000	127.510	294.000	17,34
	<b>Tỷ lệ tăng (%)</b>	2,00	-5,00	-10,71	-1,05

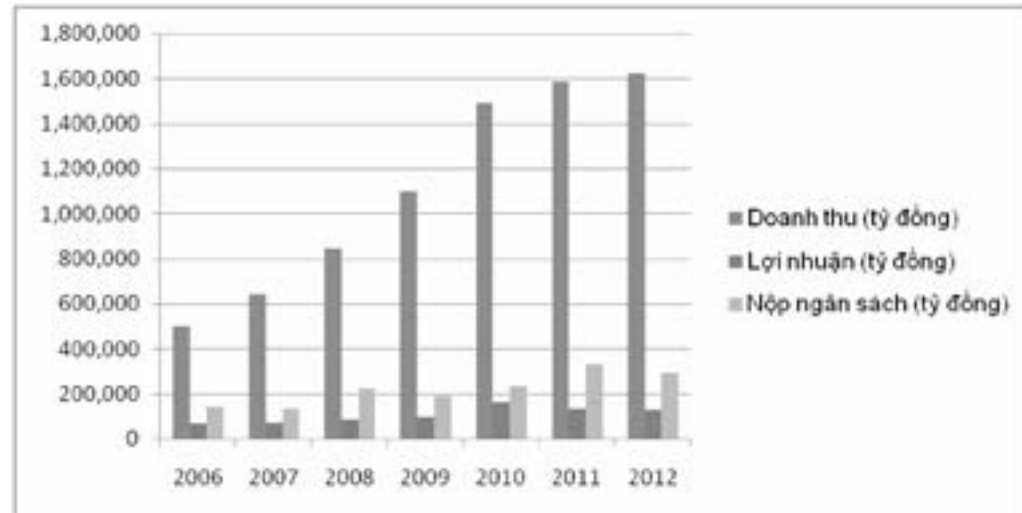
Nguồn: Văn phòng Chính Phủ, Các báo cáo của Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước.

đây do tỷ trọng vốn đầu tư của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác gia tăng mạnh so với trước. Nếu tỷ trọng vốn đầu tư năm 2000 của khu vực kinh tế nhà nước chiếm đến 59,1% trong tổng đầu tư xã hội, thì đến năm 2011 tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực kinh tế này đã giảm xuống còn 38,9% tổng đầu tư xã hội. Vốn đầu tư của khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng từ chỗ chỉ chiếm 22,9% vào năm 2000 đã lên 35,2% vào năm 2011. Cũng giống như khu vực kinh tế ngoài nhà nước, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có vốn đầu tư chỉ

chiếm 18% vào năm 2000 thì đến năm 2011 đã tăng lên 25,9%. [xem bảng 3]

Nếu chỉ xét trong cơ cấu vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước giai đoạn 2000 - 2011 thì vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước như các tập đoàn, tổng công ty nhà nước chiếm tỷ trọng tương đối cao, khoảng 14,5% - 31,4% tùy theo năm. Năm 2006 là năm tỷ trọng của vốn đầu tư từ doanh nghiệp nhà nước tăng cao nhất lên đến 31,4% trong tổng vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước, còn năm 2011 là năm vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước thấp nhất với tỷ

**Biểu 2: Doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2006 - 2012**



**Bảng 3: Cơ cấu vốn đầu tư theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế giai đoạn 2000 - 2011**  
(Đơn vị tính: %)

		Kinh tế nhà nước	Kinh tế ngoài nhà nước	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
Năm 2000	100	59,1	22,9	18,0
Năm 2001	100	59,8	22,6	17,6
Năm 2002	100	57,3	25,3	17,4
Năm 2003	100	52,9	31,1	16,0
Năm 2004	100	48,1	37,7	14,2
Năm 2005	100	47,1	38,0	14,9
Năm 2006	100	45,7	38,1	16,2
Năm 2007	100	37,2	38,8	24,3
Năm 2008	100	33,9	35,2	30,9
Năm 2009	100	40,5	33,9	25,6
Năm 2010	100	38,1	36,1	25,8
Năm 2011	100	38,9	35,2	25,9

**Nguồn:** Niên giám thống kê 2011, Tổng Cục Thống kê Việt Nam, tr.155.

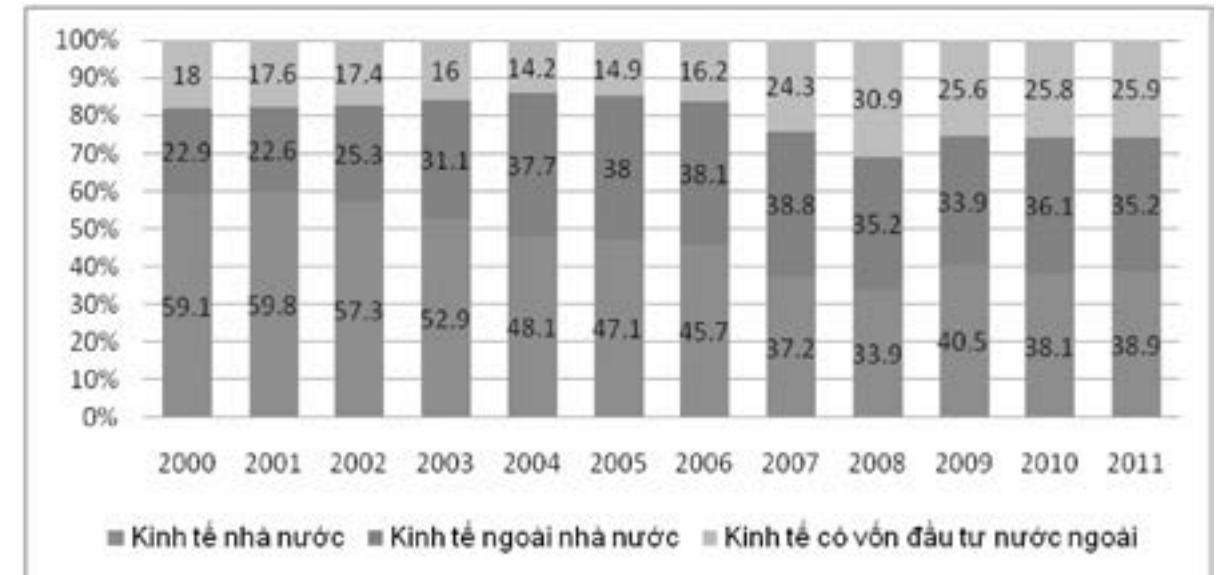
trọng là 14,5% trên tổng vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước. [xem bảng 4]

#### NHỮNG MẶT HẠN CHẾ VÀ YẾU KÉM CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ

#### NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ

Từ những ưu đãi của Nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, chủ yếu là các tập đoàn kinh tế nhà nước, đã trở thành các doanh

**Biểu 3: Cơ cấu vốn đầu tư theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế giai đoạn 2000 - 2011**



**Bảng 4: Cơ cấu vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước theo giá thực tế phân theo nguồn vốn giai đoạn 2000 - 2011**  
(Đơn vị tính: %)

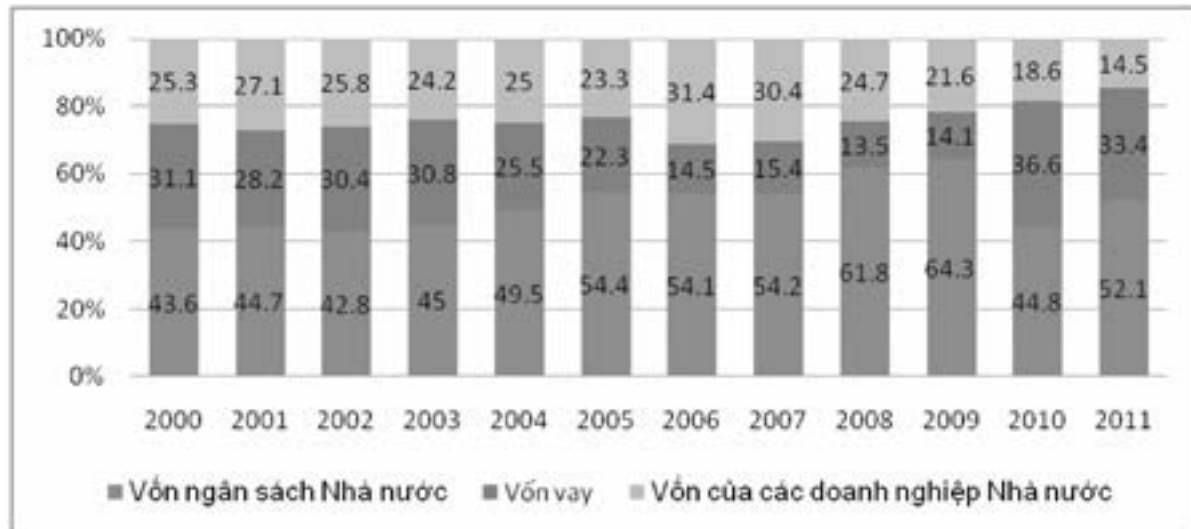
		Vốn ngân sách Nhà nước	Vốn vay	Vốn của các doanh nghiệp nhà nước và nguồn vốn khác
Năm 2000	100	43,6	31,1	25,3
Năm 2001	100	44,7	28,2	27,1
Năm 2002	100	42,8	30,4	25,8
Năm 2003	100	45,0	30,8	24,2
Năm 2004	100	49,5	25,5	25,0
Năm 2005	100	54,4	22,3	23,3
Năm 2006	100	54,1	14,5	31,4
Năm 2007	100	54,2	15,4	30,4
Năm 2008	100	61,8	13,5	24,7
Năm 2009	100	64,3	14,1	21,6
Năm 2010	100	44,8	36,6	18,6
Năm 2011	100	52,1	33,4	14,5

**Nguồn:** Niên giám thống kê 2011, Tổng Cục Thống kê Việt Nam, tr.161

nghiệp độc quyền, chi phối hoàn toàn thị trường. Tuy vậy, các doanh nghiệp này nhiều khi không thực hiện đúng vai trò dẫn dắt, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác

hoạt động và phát triển mà ngược lại còn dựa vào các ưu đãi của Nhà nước mà chèn lấn sự hoạt động và phát triển của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Cụ thể như sau:

**Biểu 4: Cơ cấu vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước theo giá thực tế phân theo nguồn vốn giai đoạn 2000 – 2011**



Thứ nhất, mặc dù được Nhà nước dành nhiều ưu đãi như: Ưu tiên cung cấp vốn đầu tư (vốn của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước hiện nay đều có nguồn gốc từ sự đầu tư của Nhà nước); ưu tiên cấp quyền sử dụng đất và chiếm những vị trí thuận lợi; ưu tiên tiếp cận nguồn vốn vay giá rẻ (kể cả các nguồn vốn vay lại từ các tổ chức tài chính quốc tế như WB, IMF thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam – VDB) và được Nhà nước bảo lãnh vay vốn nước ngoài, như trường hợp của Vinashin, nhưng tỷ lệ đóng góp của các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước vào tăng trưởng GDP ngày càng giảm thấp, chưa tương xứng với vốn đầu tư của Nhà nước vào khu vực này. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê thì trong năm 2011 khu vực kinh tế nhà nước chỉ tạo ra khoảng 33% GDP, trong khi khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo ra 67% GDP, gấp đôi so với kinh tế nhà nước. [xem bảng 1]

Nếu xét về hiệu quả đầu tư của kinh tế nhà nước cho thấy hiệu quả đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước, trong đó có các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, ngày càng giảm, điều này được biểu hiện qua hệ số ICOR của khu vực kinh tế nhà nước ngày càng tăng cao. Khi tính toán từ số liệu thống

kê của Tổng cục Thống kê cho thấy hệ số ICOR của khu vực kinh tế nhà nước năm 2006 là 12,8, trong khi hệ số ICOR của khu vực kinh tế ngoài nhà nước chỉ là 4,6. Đến năm 2010 hệ số ICOR của khu vực kinh tế nhà nước đã tăng lên 18,5, và hệ số ICOR của khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng lên 6,3. Như vậy, rõ ràng hiệu quả đầu tư vốn của khu vực kinh tế nhà nước đã sụt giảm mạnh, trong khi hiệu quả đầu tư vốn của khu vực kinh tế ngoài nhà nước có sụt giảm nhưng không mạnh như khu vực kinh tế nhà nước. [xem bảng 5]

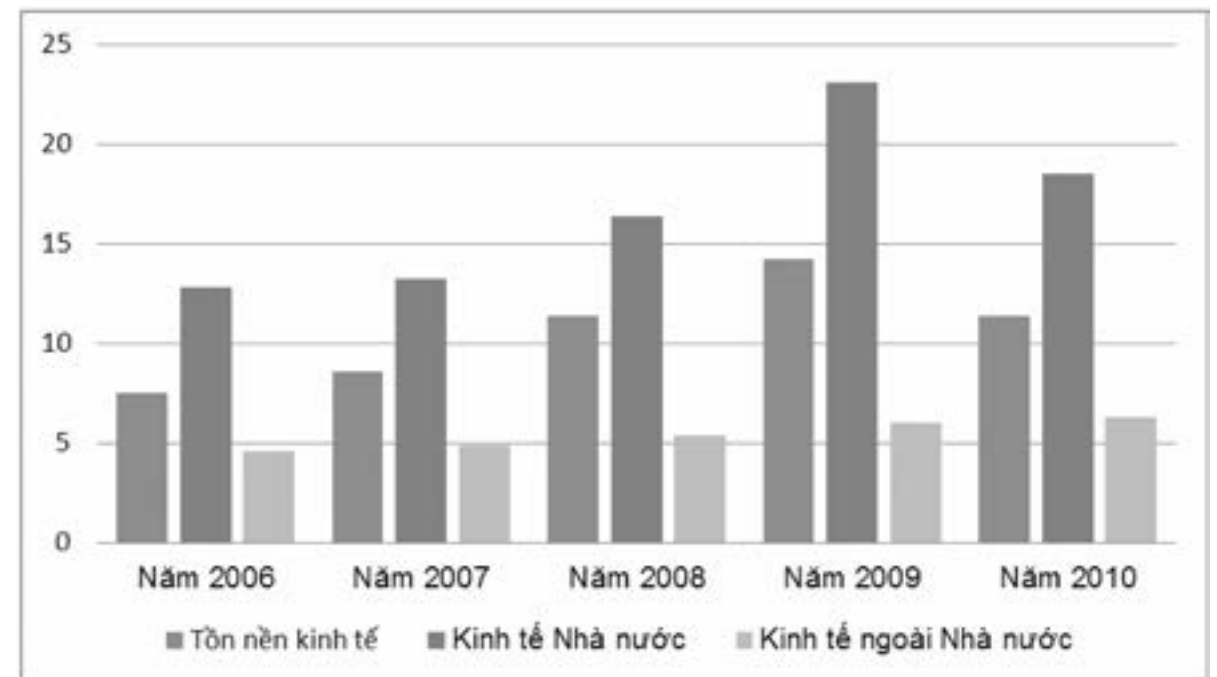
Thứ hai, giá trị mới do người lao động làm ra trong năm của khu vực kinh tế nhà nước, bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, thấp hơn so với khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (theo giá so sánh 1994 cũng như theo giá thực tế). Có thể chứng minh điều đó từ việc tính toán GDP do một lao động tạo ra trong một năm ở các khu vực kinh tế qua số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam: Trong năm 2006, số lao động từ 15 tuổi trở lên làm việc trong khu vực kinh tế nhà nước là 4.916.000 người, tổng sản phẩm trong nước tính theo giá so sánh 1994 do khu vực kinh tế nhà nước tạo ra là 169.696 tỷ đồng, bình quân một lao động tạo được 34.519.121 đồng GDP; trong khi

**Bảng 5: Hệ số ICOR của khu vực kinh tế nhà nước và ngoài nhà nước (không tính kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) theo giá so sánh 1994 giai đoạn 2006 – 2010**

	Tổng nền kinh tế	Kinh tế nhà nước	Kinh tế ngoài nhà nước
Năm 2006	7,5	12,8	4,6
Năm 2007	8,6	13,2	4,9
Năm 2008	11,4	16,4	5,4
Năm 2009	14,2	23,1	6,0
Năm 2010	11,4	18,5	6,3

**Nguồn:** Tính toán của tác giả theo số liệu trong *Niên giám thống kê 2009*, tr.32, 42; *Niên giám thống kê 2011*, tr.61, tr.71.

**Biểu 5: Hệ số ICOR của khu vực kinh tế nhà nước và ngoài nhà nước (không tính kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) theo giá so sánh 1994 giai đoạn 2006 – 2010**



đó có 1.322.000 người lao động trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tạo ra được 54.250 tỷ đồng GDP, trung bình một người lao động tạo ra được 41.036.308 đồng giá trị mới. Như vậy, năng suất lao động của khu vực kinh tế nhà nước chỉ bằng 84,1% của khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Năm 2010 năng suất lao động của khu vực kinh tế nhà nước có tăng lên và cải thiện hơn bằng 92,1% năng suất lao động của khu vực kinh tế có vốn

đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, năng suất lao động của khu vực kinh tế nhà nước vẫn thấp hơn năng suất lao động của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài<sup>(1)</sup>. Điều này có thể lý giải do khu vực kinh tế có vốn nước ngoài đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến hơn và trình độ quản trị tốt hơn khu vực kinh tế nhà nước.

Thứ ba, một vấn đề đáng chú ý trong hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước là vấn đề nợ và nợ xấu của

các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đang ngày càng gia tăng đáng báo động, nó trở thành gánh nặng cho nền kinh tế, mà nhiều chuyên gia gọi là “cục máu đông” của nền kinh tế. Tình hình nợ của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trong giai đoạn 2006 – 2010 như sau: Năm 2006, tổng nợ phải trả của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước là: 419.991 tỷ đồng, nếu so với vốn chủ sở hữu chiếm: 132% và so với tổng tài sản: 55,7%; năm 2007: các tỷ lệ tương ứng là 138,8% và 56,6%; năm 2008: 140% và 56,3%; 2009: 152,7% và 58,5% và năm 2010: 166,6% và 60,5. Qua các số liệu trên ta thấy, tổng nợ phải trả của các tập đoàn, tổng công ty gia tăng qua các năm, nếu năm 2006 chỉ chiếm 132% trên vốn chủ sở hữu thì đến năm 2010 đã tăng lên đến 166,6%. Tỷ lệ nợ so với tổng tài sản cũng gia tăng qua từng năm trong giai đoạn 2006 – 2010, khi năm 2006 chỉ chiếm 55,7% thì đến năm 2010 đã lên đến 60,5%. [xem bảng 6]

Theo các chuyên gia kinh tế, nợ xấu của các doanh nghiệp nhà nước chiếm đến 70% tổng nợ xấu của toàn hệ thống tín dụng, trong đó, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chiếm 53% số nợ xấu. Nếu tổng nợ xấu của toàn hệ thống tín dụng là 10% theo công bố của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, thì nợ xấu của khu vực doanh nghiệp nhà nước là 200.000 tỷ đồng, riêng các tập đoàn và tổng công ty nhà nước là 153.000 tỷ đồng. Trong đó, dư nợ lớn nhất thuộc các tập đoàn lớn như Dầu khí, Điện lực, Than, Vinashin...<sup>(2)</sup>

Trong Đề án tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp nhà nước của Bộ Tài chính (2012) thì có đến 30/35 tập đoàn, tổng công ty tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu trên 3 lần, đặc biệt có đến 7 tập đoàn, tổng công ty có tỷ lệ trên 10 lần (Tổng công ty xây dựng công nghiệp, Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1, 5, 8, Tổng công ty

<sup>(1)</sup> Theo: Tổng Cục Thống kê Việt Nam. *Niên giám Thống kê 2009*, tr.17,32; *Niên giám Thống kê 2011*, tr.42,61.

xăng dầu quân đội, Tổng công ty Thành An, Tổng công ty phát triển đường cao tốc).

*Thứ tư*, xét về hiệu quả tạo thêm việc làm thì khu vực kinh tế nhà nước ngày càng bị thu hẹp so với các khu vực kinh tế khác. Nếu xét tỷ trọng lao động của khu vực doanh nghiệp nhà nước so với tổng số lao động thì nó giảm rất nhanh, từ mức 44% trong giai đoạn 2001 – 2005, xuống còn 23% trong giai đoạn 2006 – 2009. Nếu xét về việc tạo ra việc làm mới thì khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm từ mức -4% xuống -13%, nghĩa là khu vực doanh nghiệp không tạo thêm việc làm mới mà còn cắt giảm lao động, trong khi khu vực dân doanh ngày càng gia tăng việc làm<sup>(3)</sup>. Có thể thấy điều này qua Tập đoàn Dầu khí Quốc gia, năm 2012 số lượng lao động tạo tập đoàn là 53.546 người, so với số lao động năm 2011 là 60.027, giảm 6.481 người, tỷ lệ giảm - 12,1% so với năm 2011 [Số liệu của PVN năm 2012]. Như vậy, vấn đề giải quyết việc làm trong tương lai sẽ đặt nặng cho khu vực kinh tế dân doanh.

### GỢI Ý GIẢI PHÁP TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG THỜI GIAN TỚI

Qua phân tích vài nét khái quát về tình hình hoạt động của khu vực doanh nghiệp nhà nước ở trên, chúng tôi đề xuất một vài giải pháp có tính chất gợi ý về chính sách sau đây:

- *Thứ nhất*, xem xét lại các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế. Hiện nay, có nhiều quan điểm cho rằng doanh nghiệp nhà nước không nên

<sup>(2)</sup> Theo: Đinh Tuấn Minh. “*Giải quyết nợ xấu có tính hệ thống trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam*”, Diễn đàn kinh tế mùa Thu 2012 – Kinh tế Việt Nam năm 2012, triển vọng 2013: *Đổi mới phân cấp trong cải cách thể chế*, UBKT Quốc hội, Viện KHXH VN, VCCI, UNDP, Vũng Tàu, 9/2012, tr. 101, 104.

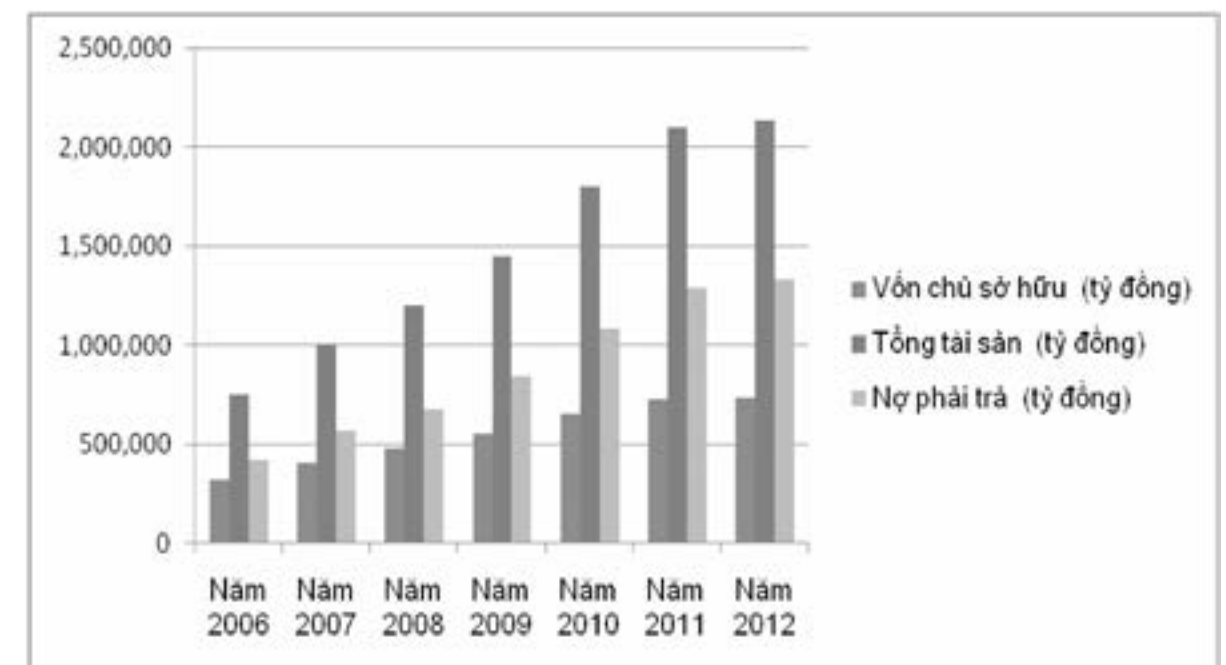
<sup>(3)</sup> Theo: Vũ Thành Tụ Anh. “*Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam*”, Diễn đàn kinh tế mùa Xuân 2012 – Kinh tế Việt Nam năm 2012: *Khởi động mạnh mẽ quá trình tái cơ cấu kinh tế*, UBKT Quốc hội, Viện KHXH VN, VCCI, UNDP, Đà Nẵng, 4/2012, tr. 231,232.

**Bảng 6: Tình hình tài chính của tập đoàn, tổng công ty nhà nước 2006 - 2012**

		Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Nợ phải trả (tỷ đồng)	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)
<b>Năm 2006</b>		317.647	751.699	419.991	1,32
<b>Năm 2007</b>	<b>Tổng số</b>	411.108	1.007.115	570.621	1,39
	<b>Tỷ lệ tăng</b>	129,42	133,98	135,82	0,07
<b>Năm 2008</b>	<b>Tổng số</b>	483.330	1.203.455	677.415	1,40
	<b>Tỷ lệ tăng</b>	117,57	119,50	118,72	0,01
<b>Năm 2009</b>	<b>Tổng số</b>	554.895	1.450.114	847.742	1,53
	<b>Tỷ lệ tăng</b>	114,81	120,50	125,14	0,13
<b>Năm 2010</b>	<b>Tổng số</b>	653.166	1.799.317	1.088.290	1,67
	<b>Tỷ lệ tăng</b>	117,71	124,08	128,38	0,14
<b>Năm 2011</b>	<b>Tổng số</b>	727.940	2.096.005	1.288.454	1,77
	<b>Tỷ lệ tăng</b>	114,47	116,48	118,39	0,1
<b>Năm 2012</b>	<b>Tổng số</b>	735.293	2.138.780	1.334.903	1,82
	<b>Tỷ lệ tăng</b>	101,00	102,00	103,60	0,05

Nguồn: Văn phòng Chính Phủ.

**Biểu 6: Tình hình tài chính của tập đoàn, tổng công ty nhà nước 2006 - 2012**



đóng vai trò chủ đạo, vì vậy nên xóa vị trí độc quyền của nó mà nên để cho nó hoạt động bình đẳng như những doanh nghiệp trong các khu vực kinh tế khác. Theo chúng tôi, Nhà nước không nên biến các doanh nghiệp nhà nước (nhất là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước) thành các doanh nghiệp độc quyền mà nên để các doanh nghiệp nhà nước thực hiện đúng vai trò dẫn dắt, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác hoạt động và phát triển. Trên quan điểm này cần xác định những lĩnh vực, ngành nghề nào mà doanh nghiệp nhà nước phải tham gia hoạt động, những lĩnh vực, ngành nghề nào doanh nghiệp nhà nước không cần tham gia hoạt động. Hiện nay, doanh nghiệp nhà nước Việt Nam đang hoạt động trong hai khu vực chính là: 1) Cung cấp các dịch vụ công ích; 2) Các lĩnh vực, ngành nghề khác mà các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ngoài nhà nước cũng hoạt động như: Xây dựng, bất động sản, ngân hàng, cơ khí chế tạo, thương mại,... Trong thời gian tới, theo quan điểm của chúng tôi, cần thiết phải duy trì các doanh nghiệp nhà nước trong *lĩnh vực, ngành nghề cung cấp các dịch vụ công ích phục vụ an sinh xã hội, cung cấp các hàng hóa cơ bản cho nền kinh tế, lĩnh vực nghiên cứu và triển khai các tiến bộ khoa học – công nghệ mới mang tính chất lan tỏa*. Các doanh nghiệp nhà nước nên dần dần rút khỏi các lĩnh vực, ngành nghề mà các doanh nghiệp ngoài nhà nước có khả năng tham gia và đang hoạt động tốt, nhằm tăng cường tính cạnh tranh cho thị trường, đồng thời Nhà nước cũng thu hồi lại được một phần vốn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

- Thứ hai, các giải pháp đẩy mạnh tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước. Từ quan điểm về doanh nghiệp nhà nước ở trên, chúng tôi xin gợi ý một vài giải pháp để tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới, cụ thể như sau:

+ Một là, đối với các doanh nghiệp nhà

nước hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề cung cấp hàng hóa và dịch vụ công ích nên tiếp tục giữ lại, tuy nhiên, phải tiến hành cải cách cơ chế quản lý đối với bộ phận doanh nghiệp này. Tinh thần của tái cấu trúc bộ máy quản lý đối với bộ phận doanh nghiệp này là nâng cao tính trách nhiệm của đội ngũ quản lý, vì vậy, nên nhanh chóng thực hiện cơ chế quản lý công khai minh bạch như các công ty đại chúng đang niêm yết trên thị trường chứng khoán để xã hội dễ dàng kiểm tra, kiểm soát. Chính phủ, với tư cách là chủ sở hữu, sẵn sàng sa thải, cho nghỉ việc đối với các cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp này nếu họ không thực hiện đầy đủ chức trách của mình khi thi hành nhiệm vụ chứ không để hết nhiệm kỳ mới thay cán bộ khác. Nguyên tắc quản lý này đã được thực hiện một cách thành công trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp cổ phần. Về vấn đề hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước thuộc nhóm này không thể chỉ dựa vào các chỉ tiêu hiệu quả tài chính như: Doanh thu, lợi nhuận... mà phải dựa vào các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế - xã hội như chất lượng các hàng hóa và dịch vụ tốt, giá cả phù hợp với khả năng chi trả của toàn xã hội trong từng thời điểm cụ thể của trình độ phát triển kinh tế - xã hội, nộp ngân sách, giải quyết việc làm... Chỉ tiêu tài chính chỉ cần đảm bảo hạch toán đầy đủ, chính xác, trung thực. Doanh thu đảm bảo bù được chi phí, không nên đặt nặng chỉ tiêu lợi nhuận. Như vậy, đối với bộ phận doanh nghiệp này, vấn đề xây dựng cơ chế giám sát các hoạt động bổ nhiệm cán bộ, quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý được bổ nhiệm phải được đặt lên hàng đầu, nhằm chống tham nhũng, thất thoát tiền của của xã hội.

+ Hai là, đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh thuần túy trong lĩnh vực, ngành nghề mà các thành phần kinh tế khác có khả năng tham gia hoạt động thì phải kiên quyết đẩy nhanh quá

trình tái cấu trúc sở hữu thông qua cổ phần hóa, bởi vì cổ phần hóa là con đường ngắn nhất để áp đặt kỷ luật thị trường đối với các doanh nghiệp nhà nước. Cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước để nhằm thực hiện các mục tiêu sau: 1) Thu hẹp phạm vi, quy mô hoạt động của doanh nghiệp nhà nước nhằm thị trường hóa hoạt động của nền kinh tế, đẩy mạnh cạnh tranh và kiểm soát tốt độc quyền; 2) Thu hồi một phần vốn đã đầu tư ở các doanh nghiệp nhà nước về cho ngân sách để tập trung vốn dành cho đầu tư vào các hoạt động sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội; 3) Giúp các cơ quan hành chính của Nhà nước tập trung nguồn lực cho quản lý xã hội, hoạch định và thực hiện tốt các chính sách ổn định kinh tế - xã hội, tạo hành lang pháp lý tốt, tạo cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội tốt cho phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tốt công việc bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự xã hội, bảo đảm tốt phúc lợi xã hội nhằm từng bước nâng cao đời sống của nhân dân.

Để đẩy nhanh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cần phải *xóa bỏ quan điểm nhất thiết phải bán cổ phần của doanh nghiệp nhà nước với giá cao* để vốn nhà nước đã đầu tư không bị thất thoát. Vấn đề không phải là thu hồi đầy đủ vốn đã bỏ ra đầu tư hoặc có lãi khi thu hồi vốn đã đầu tư trong việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà vấn đề cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là để thực hiện các mục tiêu như đã phân tích ở trên. Do đó, không nên lấy lý do thị trường chứng khoán đang sụt giảm để làm chậm quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Ngược lại, trong điều kiện khó khăn hiện nay là cơ hội để đẩy mạnh cấu trúc lại doanh nghiệp nhà nước thông qua cổ phần hóa.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện cổ phần hóa nhưng Nhà nước còn chiếm tỷ lệ cổ phần chi phối thì phải nhanh

chóng thoái vốn để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này thực hiện tốt nhất kỷ luật thị trường. Bởi vì, nếu còn chiếm tỷ trọng vốn lớn, thì Nhà nước còn chi phối doanh nghiệp đó và doanh nghiệp đó cũng sẽ hoạt động dưới sự chỉ đạo của Nhà nước thông qua ban quản lý doanh nghiệp chủ yếu do Nhà nước đề cử.

### KẾT LUẬN

Kinh tế Việt Nam đang vận hành theo cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nên kinh tế nhà nước nhất thiết phải giữ vai trò chủ đạo nhằm định hướng, dẫn dắt kinh tế - xã hội phát triển theo mục tiêu đã được Đảng và Nhà nước hoạch định. Trong kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước chỉ là một bộ phận chứ không phải là toàn bộ kinh tế nhà nước. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không đồng nghĩa với việc nhất thiết phải thiết lập vị trí độc quyền của doanh nghiệp nhà nước. Ngược lại, để thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, doanh nghiệp nhà nước chỉ giữ vai trò cung cấp những hàng hóa và dịch vụ mà các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác không muốn hoặc không có khả năng cung cấp để đảm bảo sự vận hành một cách bình thường cho nền kinh tế. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước còn thể hiện qua việc kinh tế nhà nước sẽ can thiệp thị trường khi thị trường bị thất bại, gây ra các xáo trộn, nhằm thiết lập lại sự cân bằng cho thị trường. Vì vậy, sự tồn tại của các doanh nghiệp nhà nước mà làm cản trở sự hoạt động bình thường của thị trường, cản trở cạnh tranh trên thị trường thì nhất thiết phải loại bỏ. Con đường ngắn nhất để thiết lập lại kỷ luật thị trường đối với các doanh nghiệp nhà nước là cổ phần hóa. Do đó, trong thời gian trước mắt Nhà nước cần phải kiên quyết đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, cho dù có phải thu hồi vốn đầu tư với mức thấp nhất, nhưng sẽ mang lại hiệu quả thị trường cao nhất./.